

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-PT

Ngày: 25/01/2024

V/v tranh chấp HĐ tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Bà Ngô Thị Minh Trang

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Bà Hoàng Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Ngọc Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
ông Trương Văn C – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 204/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty T1 (HD SAISON)

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hữu N- chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Gia H- Chức vụ Trưởng phòng thu hồi nợ gián tiếp Công ty T1.

*Người đại diện theo ủy quyền lại:* ông Đàng Thanh P- chức vụ chuyên viên pháp lý tố tụng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: lầu 8-9-10, Tòa nhà G, số B P, phường F, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Anh Lê Quang V, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**Người kháng cáo:** nguyên đơn Công ty T1

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn anh Đảng Thanh P trình bày:* Vào ngày 11/01/2016, anh Lê Quang V đã ký hợp đồng thỏa thuận tín dụng số 2W003083032 với HD SaiSon. Theo hợp đồng anh V vay số tiền 16.400.000 đồng. Mục đích vay là để mua xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 68G1-333.20, số khung 125XFY079213, số máy HC12E7079223 (Xe máy). Hình thức vay trả góp hàng tháng gốc và lãi với số tiền là 1.595.107 đồng, trong thời hạn 15 kỳ. Lần trả đầu tiên được thực hiện vào ngày 10/02/2016 đến ngày 10/4/2017 là dứt nợ. Tài sản thế chấp để đảm bảo là giấy xe bản chính do Công ty quản lý, chỉ giao lại cho anh V giấy xe phôi công chứng.

Trong quá trình vay đến nay anh V chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho Công ty. Tính đến ngày khởi kiện anh V đã chậm thanh toán cho HD SaiSon là 15 kỳ tương ứng với số tiền là 23.635.653 đồng. Mặc dù Công ty đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay xét thấy anh V không có thiện chí trả nợ theo thỏa thuận nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh V phải trả cho công ty số tiền gốc là 16.400.000 đồng; lãi chưa thanh toán là 4.521.088 đồng và lãi quá hạn là 2.714.565 đồng. Tổng cộng là 23.635.653 đồng. Về giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính sau khi anh V trả đủ số tiền công ty sẽ giao trả lại giấy xe, không yêu cầu Tòa án xử lý trong vụ án này.

Bị đơn anh Lê Quang V đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 154/2023/DS-ST ngày 14/7/2023** của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 về việc yêu cầu anh Lê Quang V phải trả số tiền gốc và lãi 23.635.653 đồng, theo thỏa thuận tín dụng số 2W003083032, ngày 11/01/2016 giữa MULTI TÙNG PHƯƠNG với Lê Quang V.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 nguyên đơn Công ty TNHH T1 (viết tắt Công ty

T1) có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc anh Lê Quang V phải trả cho Công ty T1 tổng số tiền 23.347.421 đồng và hoàn trả lại án phí.

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn Lê Quang V đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt.

**Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn kháng cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt các bên đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh V phải trả cho công ty T1 tiền vốn gốc 16.400.000 đồng, không chấp nhận buộc trả tiền lãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

**[1.1].** Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tổng đạt bản án cho nguyên đơn và thực hiện thủ tục niêm yết bản án đối với bị đơn vắng mặt hợp lệ. Nguyên đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[1.2].** Việc xác định quan hệ pháp luật

Công ty T1 được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 67/GP-NNNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Ngân hàng N1. Nội dung hoạt động bao gồm huy động vốn, cấp tín dụng, các hoạt động khác. Trong đó, hoạt động cấp tín dụng gồm cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng, phát hành thẻ tín dụng ngoài việc thuân thủ

theo quy định của pháp luật Việt Nam còn tuân thủ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, việc công ty T1 SAISON cho anh Lê Quang V vay tiền để mua xe mô tô theo thỏa thuận tín dụng số 2W003083032 và giấy đề nghị cấp tín dụng tiêu dùng là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không chính xác.

### **[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện**

Công ty T1 SAISON cho anh V vay trả góp hàng tháng gốc 16.400.000 đồng và lãi với số tiền là 1.595.107 đồng, trong thời hạn 15 kỳ. Lần trả đầu tiên được thực hiện vào ngày 10/02/2016 đến ngày 10/4/2017 là dứt nợ. Nhưng kể từ ngày 10/4/2017 là thời điểm kết thúc hợp đồng, anh V chưa trả tiền gốc và lãi cho công ty T1. Như vậy, thời điểm phát sinh tranh chấp là từ ngày 11/4/2017 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn nguyên đơn khởi kiện ngày 22/4/2022 là 5 năm và đã quá thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng theo quy định về thời hiệu khởi kiện tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp (từ ngày 11/4/2017 đến ngày 11/4/2020). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp bảo vệ quyền sở hữu tài sản nên nguyên đơn được yêu cầu khởi kiện đòi lại nợ gốc.

### **[2]. Về nội dung:**

#### **[2.1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc**

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm, các chứng cứ do nguyên đơn Công ty HD SAISON cung cấp gồm bản thỏa thuận tín dụng số 2W003083032 (BL06), giấy đề nghị cấp tín dụng tiêu dùng có chữ ký của Lê Quang V ngày 11/01/2016, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân Lê Quang V, biên nhận mua xe HONDA WAVE ALPHA ngày 10/01/2016 giữa anh V với doanh nghiệp tư nhân T2 với giá tiền là 18.400.000 đồng, đưa trước 2.000.000 đồng, còn lại 16.400.000 đồng (BL114), hóa đơn giá trị gia tăng ngày 10/01/2016 (BL 115), giấy chuyển tiền cho T2 từ Công ty T1 cho hợp đồng số 2W003083032 (BL 111,112), giấy chứng nhận đăng ký xe Mô tô, xe máy biển kiểm soát 68G1- 333.20 loại xe Wave, nhãn hiệu Honda đứng tên Lê Quang V. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định vào ngày 11/01/2016, anh Lê Quang V đã ký hợp đồng thỏa thuận tín dụng số 2W003083032 với HD SaiSon để vay số

tiền 16.400.000 đồng mua xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 68G1-333.20, số khung 125XFY079213, số máy HC12E707922 tại doanh nghiệp tư nhân T2. Hình thức vay trả góp hàng tháng gốc và lãi với số tiền là 1.595.107 đồng, trong thời hạn 15 kỳ. Lần trả đầu tiên được thực hiện vào ngày 10/02/2016 đến ngày 10/4/2017 là dứt nợ. Tài sản thế chấp để đảm bảo là giấy xe bản chính do Công ty T1 quản lý, chỉ giao lại cho anh V giấy xe phô tô công chứng.

Bản án sơ thẩm nhận định hợp đồng hợp tác giữa công ty T1 SAISON với T2 và thỏa thuận tín dụng đã không còn hiệu lực đồng thời cho rằng nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc chuyển tiền cho T2 là chưa đánh giá hết các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ. Mặc dù thỏa thuận hợp tác giữa công ty T1 và T2 là ngày 01/10/2016, còn ngày thỏa thuận tín dụng giữa công ty T1 với anh V là ngày 11/01/2016 không có ảnh hưởng tới nhau, anh V đã ký biên nhận còn nợ lại 16.400.000 đồng là phù hợp với giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 11/01/2016. Ngoài ra nguyên đơn đã chứng minh việc chuyển tiền thành công cho DNTN Tùng Phụng theo giấy chuyển tiền ngày 18/01/2016 (BL 111). Ngày 18/12/2023 ông Trần Thanh T chủ T2 đã xác nhận Công ty T1 đã chuyển tiền cho khách hàng Lê Quang V. Mặt khác, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và quá trình thụ lý xét xử phúc thẩm anh V cũng đã ký nhận vào văn bản tổng đạt quyết định xét xử phúc thẩm của TAND tỉnh Kiên Giang tức là anh V đã biết việc công ty T1 khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tín dụng nhưng anh V không có ý kiến phản bác. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản cấp vốn 16.400.000 đồng theo thỏa thuận tín dụng số 2W003083032 là không có căn cứ.

Trong quá trình vay đến nay anh V chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho Công ty. Hiện anh V còn nợ công ty T1 SAISON số tiền gốc là 16.400.000 đồng. Do đó, cần buộc anh V phải trả cho công ty T1 SAISON số tiền 16.400.000 đồng.

**[2.2].** Đối với yêu cầu kháng cáo tiền lãi chưa thanh toán là 4.521.088 đồng và lãi quá hạn là 2.714.565 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: như nhận định ở phần [1.3] về thời hiệu khởi kiện, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng từ ngày 11/4/2017 đến ngày 11/4/2020 nguyên đơn không khởi kiện và cũng không có căn cứ việc bị đơn xác định nhận nợ để tính lại thời hiệu khởi kiện. Nên căn cứ theo quy định tại Điều 429, khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự và tại giải đáp số

02/TANDTC-PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử của Tòa án nhân dân Tối cao thì Công ty T1 được khởi kiện để đòi lại nợ gốc mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án nên đối với yêu cầu trả nợ lãi là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của công ty T1 về việc yêu cầu anh V phải trả nợ lãi trong hạn 4.521.088 đồng và lãi quá hạn là 2.714.565 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 7.235.653 đồng.

**[2.3].** Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm buộc anh V phải trả cho công ty T1 SAISON số tiền nợ gốc 16.400.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trả nợ lãi 7.235.653 đồng.

**[3]. Về án phí:** do sửa bản án sơ thẩm nên án phí được tính lại. Cụ thể:

- Án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là  $7.235.653 \text{ đồng} \times 5\% = 361.783 \text{ đồng}$ .

Nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 565.891 đồng theo biên lai thu số 0008599 ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang. H1 lại nguyên đơn số tiền 204.108 đồng (hai trăm lẻ bốn nghìn một trăm lẻ tám đồng)

Bị đơn Lê Quang V phải chịu án phí dân sự giá ngạch số tiền  $16.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 820.000 \text{ đồng}$ .

- Án phí phúc thẩm: nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần. H1 lại cho nguyên đơn 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001981 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty T1.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 154/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 429, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 về việc yêu cầu bị đơn Lê Quang V trả nợ vay gốc.

Buộc bị đơn Lê Quang V phải trả cho Công ty T1 số tiền 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) theo hợp đồng thỏa thuận tín dụng số 2W003083032 và giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 11/01/2016.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 buộc bị đơn Lê Quang V phải trả số tiền nợ lãi là 7.235.653 đồng.

**3.** Về án phí dân sự :

- Án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là 361.783 đồng (ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

Nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 565.891 đồng theo biên lai thu số 0008599 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang. H1 lại nguyên đơn số tiền 204.108 đồng (hai trăm lẻ bốn nghìn một trăm lẻ tám đồng).

Bị đơn Lê Quang V phải chịu án phí dân sự giá ngạch số tiền 820.000 đồng (tám trăm hai mươi nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần. H1 lại cho nguyên đơn 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001981 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Đã ký**

**Ngô Thị Minh Trang**